

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HOÀ
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: **16/2021/DS-ST**

Ngày 27/4/2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Ngọc Trứ

2/ Ông Trương Đức Lâm

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa:

Bà Ngô Thị Tươi- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2021/TLST – DS ngày 20 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Hồng L, sinh năm 1952; Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh B; Nơi đăng ký HKTT và cư trú hiện nay: Khu L, thị trấn A, huyện S, tỉnh B- Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1955; Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh B- Có đơn xin vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Trần Thị T, sinh năm 1956 (vợ ông L); Địa chỉ: Khu L, thị trấn A, huyện S, tỉnh B- Có đơn xin vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1956 (vợ ông T); Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2020, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (ông Lê Hồng L) trình bày:

Quan hệ giữa ông và ông T là quan hệ quen biết nhau từ trước và cách đây đã lâu. Ngày 18/4/2018, ông T có đến nhà ông hỏi vay tiền về làm kinh tế gia đình. Do đã quen biết từ lâu nên ông đồng ý cho vay, nhưng với điều kiện cho vay trong 03 tháng, số tiền

ông T vay của ông là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), tính từ ngày 18/4/2018 đến ngày 18/7/2018. Sau khi thỏa thuận xong, ông đã G cho ông T số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), ông T viết và ký nhận nợ vào “giấy thỏa thuận về việc cho vay tiền” vào ngày 03/03/2018 (âm lịch) tức là ngày 18/4/2018, lãi suất theo thỏa thuận. Sau đó, ông T thanh toán cho ông được 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) tiền lãi, ông T trả cho ông tiền lãi vào ngày tháng cụ thể nào ông không nhớ, tại bản tự khai ông có trình bày ông T trả lãi cho ông một lần vào ngày 20/5/2018 là ông nhớ nhầm, thực tế ông không nhớ cụ thể ngày tháng nào do ông T cầm giấy ông ký xác nhận nhận tiền lãi của ông T, sau đó ông T không thanh toán trả cho ông được số tiền nào nữa. Ông đã đến gia đình ông T đòi tiền nhiều lần nhưng không có kết quả. Năm 2019 ông đã làm đơn khởi kiện ông T tại Tòa án, nhưng sau đó đã rút đơn vì ông T hứa sẽ trả theo thỏa thuận, Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, đến nay ông T mới trả được cho ông thêm 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) tiền lãi và không trả thêm cho ông được số tiền nào nữa. Vì vậy ông tiếp tục có đơn khởi kiện ông T. Nay ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Trọng T phải có trách nhiệm trả ông số tiền vay mà ông T còn nợ của ông tiền gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày ông khởi kiện 07/10/2020 là 40.044.400đ (Bốn mươi triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm đồng) và lãi tiếp theo tính từ ngày 08/10/2020 đến nay tính là 20%/năm. Tại phiên tòa ông đề nghị ông T phải trả lãi cho ông theo quy định của pháp luật, ông không tính được số tiền lãi cụ thể.

Ông xác định trong giấy biên nhận vay tiền có ghi là lãi suất theo thỏa thuận nên xác định hợp đồng vay có lãi, lãi suất thỏa thuận miệng là 2.000đ/1 triệu/1 ngày, không phải là 3.000đ/1 triệu/1 ngày như ông T trình bày. Về số tiền lãi ông T trình bày đã thanh toán trả cho ông tổng số tiền tiền lãi 33.000.000đ là không đúng, mà từ trước đến nay ông T mới thanh toán trả cho ông được 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền lãi, ngoài ra ông T không thanh toán cho ông được số tiền lãi nào khác.

Khi hai bên G dịch vay tiền thì chỉ có ông và ông T thỏa thuận, không có ai khác nên ông chỉ yêu cầu ông T phải trả cho ông tiền gốc và lãi, không yêu cầu ai khác phải trả tiền vay nợ cùng ông T. Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

Bị đơn (ông Nguyễn Trọng T) trình bày: Mỗi quan hệ giữa ông và ông L là mối quan hệ quen biết nhau từ lâu. Ông xác định ngày 18/4/2018 có vay của ông Lê Hồng L số tiền gốc là 100 triệu đồng (Một trăm triệu đồng). Hai bên có viết giấy vay tiền, nội dung thì ông không nhớ cụ thể nhưng ông xác định hai bên có thỏa thuận lãi xuất nhưng không ghi vào giấy, thỏa thuận miệng giữa các bên với nhau là 3.000đồng/1 triệu/1 ngày. Thời hạn vay hẹn nhau trong giấy là khoảng 3-4 tháng sau sẽ trả. Ông đã nhận đủ số tiền 100 triệu từ ông L. Ông vay để cá nhân ông đi làm ăn, không liên quan đến các thành viên khác trong gia đình. Sau khi vay ông đã nhiều lần trả lãi cho ông L nhưng không có giấy tờ gì, ông trả được 3 lần, mỗi lần 9 triệu đồng, tổng cộng là 27 triệu đồng nhưng chỉ đưa tay cho nhau. Năm 2019 khi ông L làm đơn khởi kiện ông tại Tòa án nhưng sau đó ông L rút đơn khởi kiện, trong lần này ông có trả cho ông L số tiền là 6 triệu đồng tiền lãi, ông L có viết nội dung ông trả số tiền 6 triệu đồng vào mặt sau của tờ giấy vay tiền năm 2018 (bản gốc), ông có ký xác nhận vào đó. Từ đó đến nay ông chưa thanh toán cho ông L thêm khoản nào nữa.

Nay ông L khởi kiện yêu cầu ông phải thanh toán số tiền gốc và lãi là 140.044.000 đồng thì ông chỉ đồng ý trả cho ông L số tiền gốc là 100 triệu đồng. Ông sẽ trả dần cho ông L, có đến đâu ông trả đến đó. Ông không đồng ý thanh toán số tiền lãi theo đơn khởi kiện của ông L vì trong giấy vay tiền không ghi thỏa thuận về tiền lãi cụ thể. Còn số tiền 33 triệu đồng mà trước đây ông đã đưa cho ông L thì ông không ý kiến gì. Việc ông L trình bày trong giấy vay tiền có ghi lãi suất theo thỏa thuận, ông thừa nhận có ghi như vậy nhưng không ghi lãi cụ thể, vì vậy, ông chỉ đồng ý trả lãi trong thời hạn vay của hợp đồng là đến tháng 7/2018 (âm lịch), hết thời hạn vay của hợp đồng ông không đồng ý trả lãi cho ông L nữa, ông chỉ đồng ý trả tiền gốc cho ông L là 100 triệu đồng. Ngoài ra ông không còn ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà Trần Thị T, bà Nguyễn Thị G): Đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án để làm việc, cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của bà T, bà G đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì vậy không có lời khai của bà T và bà G.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xét đã đảm bảo đúng theo quy định; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật, đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà T và bà G không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 275; 463, 466, 468, 470; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng L.

Buộc ông Nguyễn Trọng T phải có nghĩa vụ thanh toán trả ông Lê Hồng L số tiền vay nợ gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi là 20.250.000đ (Hai mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng số cả tiền gốc và tiền lãi là 120.250.000đ (Một trăm hai mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Ông Lê Hồng L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Trọng T do ông T là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Trần Thị T và bà Nguyễn Thị G (là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) đã được Tòa án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, bà Nguyễn Thị G đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b

khoản 2 §100 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự có tên nêu trên.

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2020 của ông Lê Hồng L đây xác định là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp:

Ông Lê Hồng L và ông Nguyễn Trọng T tự nguyện thỏa thuận cho nhau vay tiền theo hợp đồng vay đề ngày 18/4/2018, xác nhận là hợp đồng hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2].1. Xét yêu cầu của ông Lê Hồng L yêu cầu ông Nguyễn Trọng T phải trả 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền vay gốc, thấy rằng: Ông L xác định sau khi ký kết hợp đồng vay tài sản ông L đã G đủ cho ông Nguyễn Trọng T số tiền vay là 100.000.000đ, ông T đã nhận đủ tiền. Hai bên thỏa thuận thời hạn trả tiền gốc vay là 3 tháng nên xác định là hợp đồng vay có kỳ hạn. Tuy nhiên, sau khi ông T vay, đến hạn trả nợ theo hợp đồng ông T không thanh toán trả được số tiền vay gốc nào cho ông L, ông L đã đến gia đình ông T đòi nhiều lần nhưng ông T không trả được số tiền vay gốc nào. Ông Nguyễn Trọng T cũng thừa nhận còn nợ của ông L số tiền vay gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), đồng ý trả ông L, nhưng xin được trả dần và khi nào có tiền thì trả. Cho nên có căn cứ xác định ông T còn nợ ông L 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền vay gốc. Vì vậy, yêu cầu của ông Lê Hồng L yêu cầu ông Nguyễn Trọng T phải thanh toán trả 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền vay gốc còn nợ cần được chấp nhận.

[2].2. Xét yêu cầu của ông Lê Hồng L yêu cầu ông Nguyễn Trọng T phải thanh toán cho ông L số tiền lãi phát sinh từ khi ông T vay là ngày 18/4/2018, đã trả lãi 2 lần được 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nhưng không xác định được cụ thể ngày tháng trả, ông L yêu cầu ông T phải trả cho ông số tiền lãi chưa thanh toán đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, trong vụ án này giữa ông L và ông T đều xác định không ghi lãi cụ thể trong hợp đồng, chỉ ghi lãi suất theo thỏa thuận, hai bên có tranh chấp về lãi suất (ông L xác định lãi suất thỏa thuận là 2.000đ/1 triệu/ngày, ông T xác định 3.000đồng/triệu/ngày. Ông T xác định đã thanh toán trả cho ông L được 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng) tiền lãi nhưng không có giấy tờ cụ thể gì mà chỉ đưa tay cho ông L. Ông L xác định ông T mới thanh toán trả lãi 2 lần được 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Do đó trong thời hạn vay của hợp đồng và đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền lãi của hợp đồng vay ông T chưa thanh toán trả cho ông L, ông T phải chịu lãi suất trong hạn của hợp đồng và lãi suất quá hạn theo mức lãi suất là 10%/1 năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, cần tính mức lãi suất là 10%/1 năm để buộc ông T phải thanh toán lãi trả cho ông L đối với số tiền vay gốc ông T chậm trả. Lãi của hợp đồng vay được xác định như sau:

Từ ngày 18/4/2018 đến ngày 27/4/2021 là 36 tháng 09 ngày, số tiền lãi ông T phải trả cho ông L là: $(100.000.000đ \times 10\% \times 36 \text{ tháng} : 12 = 30.000.000đ) + (100.000.000đ \times 10\% : 12 \times 09 \text{ ngày} : 30 = 250.000đ) = 30.250.000đ$ (Ba mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- Số tiền lãi ông T đã thanh toán cho ông L 10.000.000đ được trừ vào tổng số tiền lãi ông T phải trả là 29.416.700đ. Số tiền lãi ông T phải thanh toán trả ông L là:

30.250.000đ - 10.000.000đ = 20.250.000đ (Hai mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Vì vậy, yêu cầu của ông Lê Hồng L yêu cầu ông Nguyễn Trọng T phải thanh toán lãi của số tiền gốc còn nợ theo quy định của pháp luật được chấp nhận, cần buộc ông T phải thanh toán tổng số lãi trên số tiền gốc còn nợ của hợp đồng vay cho ông L là: 20.250.000đ (Hai mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng L được chấp nhận, vì ông L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Trọng T do ông T là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 275; 463, 466, 468, 470; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng L.

Buộc ông Nguyễn Trọng T phải có nghĩa vụ thanh toán trả ông Lê Hồng L số tiền vay nợ gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi là 20.250.000đ (Hai mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); tổng số cả tiền gốc và tiền lãi là 120.250.000đ (Một trăm hai mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Ông Lê Hồng L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Trọng T do ông T là người cao tuổi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án vắng mặt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự
- Chi cục thi hành án;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Toàn

